

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN KRÔNG NĂNG
TỈNH ĐẮK LẮK**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 09/2022/DS-ST
Ngày 02 tháng 3 năm 2022
“V/v tranh chấp hợp đồng vay tài sản”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN KRÔNG NĂNG, TỈNH ĐẮK LẮK**

- Thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông **Trần Cảnh Toàn**.

Các hội thẩm nhân dân: Bà **Nguyễn Thị Chính** và ông **Y Míp Niê**.

- Thư ký phiên tòa: Bà **Nông Thị Thu Huyền** – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Krông Năng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Krông Năng tham gia phiên tòa: Không tham gia.

Ngày 02 tháng 3 năm 2022 tại Tòa án nhân dân huyện Krông Năng xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 177/2021/TLST-DS ngày 28/5/2021 về tranh chấp hợp đồng vay tài sản theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 147/2021/QĐXXST-DS ngày 02/12/2021, quyết định hoãn phiên tòa số 116/2021/QĐST-DS ngày 28/12/2021, quyết định hoãn phiên tòa số 06/2022/QĐST-DS ngày 21/01/2022 và thông báo mở lại phiên tòa số 01/2022/TB-TA ngày 14/02/2022, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ông **Nguyễn Phi H**.

Địa chỉ: 54, TP, phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk.

Người đại diện được ủy quyền (giấy ủy quyền của Văn phòng công chứng Đ công chứng ngày 20/5/2021): Ông **Hoàng Phi H**.

Địa chỉ: 159, LTT, phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk.

Có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

- Bị đơn: Bà **H N**, ông **Y Th**.

Địa chỉ: Buôn D (nay là Buôn T), xã E, huyện K, tỉnh Đắk Lắk.

Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện vào ngày 21/5/2021, nguyên đơn ông **Nguyễn Phi H** và tại bản tự khai, đại diện của nguyên đơn là ông **Hoàng Phi H** trình bày: Ngày 20/6/2019, bà **H N**, ông **Y Th** có đặt vấn đề vay ông **Nguyễn Phi H** số tiền là 130.000.000 đồng để lo việc gia đình, thời hạn trả nợ là ngày 20/7/2019, tức là 30 ngày bà **H N**, ông **Y Th** sẽ hoàn trả đủ số tiền đã vay nói trên cả gốc lẫn lãi cho ông **H**, lãi suất thỏa thuận là 1,65%/tháng. Bà **H N** có giao cho **H** 01 giấy chứng nhận QSD đất số BT 115182 (đã được thay

đổi cơ sở pháp lý sang tên bà H N) tọa lạc tại Buôn T, xã Đ, huyện K, tỉnh Đắk Lắk để làm tin cho việc trả nợ.

Quá hạn trả nợ nhưng bà H N, ông Y Th không trả nợ cho ông Nguyễn Phi H, mặc dù ông H có nhiều lần chủ động liên hệ đòi nợ nhưng bà H N, ông Y Th cố tình trốn tránh và chây ỳ không chịu trả nợ theo đúng cam kết.

Vì vậy, ông Nguyễn Phi H làm đơn này khởi kiện bà H N, ông Y Th để yêu cầu ông bà phải liên đơn trách nhiệm trả cho ông H số tiền nợ gốc là 130.000.000 đồng và lãi suất theo thỏa thuận tính đến ngày nộp đơn khởi kiện là 47.000.000 đồng và tiếp tục tính lãi suất đến thời điểm xét xử sơ thẩm.

- Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã thông báo thụ lý vụ án, giấy triệu tập làm việc, thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải cũng như tiến hành tổng đạt quyết định đưa vụ án ra xét xử và các quyết định hoãn phiên tòa, thông báo mở lại phiên tòa theo đúng trình tự, thủ tục quy định của pháp luật tố tụng dân sự nhưng bị đơn bà H N, ông Y Th đều vắng mặt.

Ngày 28/02/2022, đại diện nguyên đơn ông Hoàng Phi H có đơn xin xét xử vắng mặt vì lý do sức khỏe không thể có mặt để tham gia phiên tòa và đơn xin rút một phần yêu cầu khởi kiện đối với trách nhiệm trả nợ của ông Y Th, theo đó chỉ yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bà H N phải có trách nhiệm trả số tiền nợ đã vay và lãi suất phát sinh như đã thỏa thuận.

Tại phiên tòa, hội đồng xét xử công các bộ tài liệu, chứng cứ của vụ án có lưu trong hồ sơ vụ án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Căn cứ vào các chứng cứ, tài liệu thu thập được có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định như sau :

[1] Về tố tụng.

[1.1] Tại đơn khởi kiện ngày 21/5/2021, ông Nguyễn Phi H khởi kiện bà H N, ông Y Th về việc hoàn trả số tiền nợ 130.000.000 đồng đã vay mượn và số tiền 47.000.000 đồng lãi suất. Quan hệ tranh chấp được xác định là tranh chấp hợp đồng dân sự (tranh chấp về hợp đồng vay tài sản), quy định tại khoản 3 Điều 26 của Bộ luật tố tụng dân sự (BLTTDS).

[1.2] Bị đơn bà H N, ông Y Th có địa chỉ tại Buôn D – xã E – huyện K nên ông Nguyễn Phi H làm đơn khởi kiện và được Tòa án nhân dân huyện Krông Năng thụ lý, giải quyết là đúng thẩm quyền được quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 BLTTDS.

[1.3] Bị đơn bà H N, ông Y Th mặc dù đã được Tòa án tiến hành thủ tục tố tụng nhiều lần nhưng đều vắng mặt không có lý do. Đại diện nguyên đơn, ông Hoàng Phi H có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Căn cứ vào khoản 1, điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 1, khoản 3 Điều 228 của BLTTDS, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự.

[2] Về nội dung tranh chấp.

[2.1] Đối với số tiền vay, thì thấy: Tại “Hợp đồng cho vay tiền” ngày 20/6/2019 thể hiện nội dung: Bên cho vay là ông Nguyễn Phi H (bên A), bên vay là bà H N + ông Y

Th (Bên B) có vay số tiền 130.000.000 đồng của ông Nguyễn Phi H. Thời hạn vay là 30 ngày (kể từ ngày 20/6/2019 đến ngày 20/7/2019). Lãi suất cùng thỏa thuận là 1,65%/tháng tính từ ngày nhận vay. Bên B thế chấp cho bên A giấy chứng nhận QSD đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BT115182 của UBND huyện Krông Năng cấp ngày 26/12/2016 mang tên hộ bà H' T, ông Y P (đã được thay đổi cơ sở pháp lý sang tên bà H N ngày 29/01/2019).

[2.2] Tại bản kết luận giám định số 154/KLGD-PC09 ngày 21/9/2021 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Đắk Lắk kết luận: Dấu vân tay dưới dòng chữ “Đã nhận đủ tiền ngón trở” trên mẫu cần giám định (trong Hợp đồng cho vay tiền) so với dấu vân tay bên phải dòng chữ “H NÊN” tại mục “Những người thừa kế” trên mẫu là “trong Văn bản phân chia di sản thừa kế” được Văn phòng công chứng Phạm Đình T công chứng ngày 23/01/2019 là của cùng một người.

[2.3] Như vậy, việc vay và nợ tiền của bà H N đối với ông Nguyễn Phi H là có thật, thể hiện qua “Hợp đồng cho vay tiền” ngày 20/6/2019 đều có chữ ký, điểm chỉ của bà H N (bên B) và ông Nguyễn Phi H (bên A).

[2.4] Việc rút một phần yêu cầu khởi kiện đối với trách nhiệm trả nợ của ông Y Th của người đại diện là trong phạm vi được ủy quyền, do ý chí tự nguyện; không vi phạm điều cấm của pháp luật và không trái đạo đức xã hội nên cần chấp nhận và đình chỉ một phần yêu cầu đối với ông Y Th. Ông Nguyễn Phi H có quyền khởi kiện lại ông Y Th khi có yêu cầu.

[2.5] Xét yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Phi H đối với bà H N là có căn cứ, cần buộc bà H N phải có trách nhiệm hoàn trả cho ông Nguyễn Phi H số tiền đã vay và nợ, cụ thể là $130.000.000 \text{ đồng} / 2 = 65.000.000 \text{ đồng}$.

[2.6] Đối với yêu cầu tính lãi suất: Tại “Hợp đồng cho vay tiền”, các bên có thỏa thuận về lãi suất với mức 1,65%/ tháng. Xét thấy về mức lãi suất như các đương sự đã thỏa thuận là phù hợp với quy định của pháp luật nên cần công nhận và bà H N phải chịu mức lãi suất 1,65%/ tháng của số tiền nợ tính từ ngày vay (20/6/2019) đến ngày xét xử (02/3/2022), cụ thể là: $130.000.000 \text{ đồng} \times 1,65\% / \text{tháng} \times 2 \text{ năm } 8 \text{ tháng } 10 \text{ ngày} = 69.355.000 \text{ đồng} / 2 = 34.677.500 \text{ đồng}$.

[2.7] Từ những nhận định trên, xét cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Nguyễn Phi H về việc buộc bà H N phải hoàn trả cho ông Nguyễn Phi H số tiền nợ gốc sau khi đã được xác định tỷ lệ: $(130.000.000 \text{ đồng} / 2 = 65.000.000 \text{ đồng})$ và $(69.355.000 \text{ đồng} / 2 = 34.677.500 \text{ đồng}$ lãi suất), tổng cộng: 99.677.500 đồng.

[2.8] Ông Nguyễn Phi H phải hoàn trả cho bà H N 01 giấy chứng nhận QSD đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BT115182 của UBND huyện Krông Năng cấp ngày 26/12/2016 mang tên hộ bà H' T, ông Y P (đã được thay đổi cơ sở pháp lý sang tên bà H N ngày 29/01/2019).

[3] Về chi phí giám định: Bà H N phải chịu số tiền 6.070.000 đồng chi phí cho việc giám định chữ ký, chữ viết và dấu vân tay. Ghi nhận việc đại diện nguyên đơn là ông Hoàng Phi H đã nộp số tiền trên và đã chi phí cho việc giám định. Bà H N phải hoàn trả lại cho ông Nguyễn Phi H số tiền 6.070.000 đồng cho việc giám định chữ ký, chữ viết và dấu vân tay.

[4] Về án phí: Bị đơn bà H N phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật, cụ thể: $99.677.500 \text{ đồng} \times 5\% = 4.984.000 \text{ đồng}$.

Nguyên đơn ông Nguyễn Phi H không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm và được hoàn trả số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Vì các lẽ trên!

QUYẾT ĐỊNH :

Căn cứ: Khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 1 Điều 147; Điều 161; điểm c khoản 1 Điều 217; khoản 1, điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 1, khoản 3 Điều 228 và Điều 266 của Bộ luật tố tụng dân sự. Điều 357; Điều 463; Điều 466 và khoản 1 Điều 468 của Bộ luật dân sự; Nghị quyết 326 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của UBTVQH quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện về trách nhiệm trả nợ của ông Y Th. Ông Nguyễn Phi H có quyền khởi kiện lại ông Y Th theo quy định của pháp luật.

2. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Phi H đối với bà H N.

Buộc bà H N phải hoàn trả cho ông Nguyễn Phi H số tiền nợ gốc 65.000.000 đồng và 34.677.500 đồng lãi suất, tổng cộng: 99.677.500 đồng.

Khi bản án có hiệu lực pháp luật, kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án, cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 1 Điều 468 BLDS.

3. Trường hợp bà H N thanh toán hết nợ cho ông Nguyễn Phi H thì ông H phải hoàn trả cho bà H N 01 giấy chứng nhận QSD đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BT115182 của UBND huyện Krông Năng cấp ngày 26/12/2016 mang tên hộ bà H' T, ông Y P (đã được thay đổi cơ sở pháp lý sang tên bà H N ngày 29/01/2019).

4. Về chi phí giám định: Bà H N phải chịu số tiền 6.070.000 đồng chi phí cho việc giám định chữ ký, chữ viết và dấu vân tay. Ghi nhận việc đại diện nguyên đơn là ông Hoàng Phi H đã nộp số tiền trên và đã chi phí cho việc giám định. Bà H N phải hoàn trả lại cho ông Nguyễn Phi H số tiền 6.070.000 đồng cho việc giám định chữ ký, chữ viết và dấu vân tay.

5. Về án phí: Bà H N phải chịu 4.984.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Ông Nguyễn Phi H không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm và được hoàn trả số tiền 4.425.000 đồng (do ông Hoàng Phi H nộp thay) theo biên lai thu tạm ứng án phí số 0002842 ngày 27/5/2021 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Krông Năng.

6. Về quyền kháng cáo: Đương sự có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận bản án hoặc ngày bản án được niêm yết hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án dân sự thực hiện theo Điều 30 Luật thi hành án dân sự;

Nơi nhận:

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

- *TAND tỉnh Đắk Lắk;*
- *VKSND huyện Krông Năng;*
- *Chi cục THADS Krông Năng;*
- *Các đương sự;*
- *Lưu HSVA, VPTA.*

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Đã ký

Trần Cảnh Toàn